

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
50 Tôn Thất Đạm, P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, Tp.HCM

ĐT: 3.9141904 Fax: 3.9141910

-----\*\*\*\*\*-----

**BÁO CÁO**  
**TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ**  
**QUÝ 1/2017**

THÁNG 04/2017

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết Minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>2.214.830.425.825</b>	<b>2.030.250.945.659</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	V.01	<b>147.096.980.774</b>	<b>249.059.008.478</b>
1. Tiền	111		105.954.875.886	207.916.903.590
2. Các khoản tương đương tiền	112		41.142.104.888	41.142.104.888
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>15781111111,00</b>	<b>15.781.111.111</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.09e	15781111111,00	15.781.111.111
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.976.330.926.812</b>	<b>1.646.102.791.414</b>
1. Phải thu ngắn hạn khách hàng	131	V.02	381.650.240.507	537.667.740.507
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	397.034.860.050	516.055.099.071
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.04a	1.009.512.406.116	478.307.301.956
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04b	196.769.648.506	122.708.878.247
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(8.636.228.367)	(8.636.228.367)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>73.005.590.812</b>	<b>69.178.898.763</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.05	73.005.590.812	69.178.898.763
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.615.816.316</b>	<b>50.129.135.893</b>
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	47.513.319.577
3. Thuế và các khoản phải thu của nhà nước	153		2.615.816.316	2.615.816.316
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>6.096.022.681.297</b>	<b>4.793.426.141.522</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>966.916.699.700</b>	<b>897.794.501.190</b>

1. Phải thu dài hạn khách hàng	211		215.000.000.000	215.000.000.000
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		143.771.141.840	84.211.069.720
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.06	649.558.239.440	639.996.113.050
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(41.412.681.580)	(41.412.681.580)
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>228.153.900.641</b>	<b>288.589.913.261</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07a	1.541.725.214	1.735.660.334
- Nguyên giá	222		5.380.773.400	5.380.773.400
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(3.839.048.186)	(3.645.113.066)
4. Tài sản cố định vô hình	227	V.07b	226.612.175.427	286.854.252.927
Nguyên giá	228		1.058.840.204.896	1.058.840.204.896
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(832.228.029.469)	(771.985.951.969)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>92.130.271.994</b>	<b>659.298.967.395</b>
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.08	92.130.271.994	659.298.967.395
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>4.762.428.228.876</b>	<b>2.892.014.291.376</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.09a	3.819.104.146.844	994.917.549.813
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.09b	835.933.808.563	1.551.027.945.862
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.09c	125.102.310.701	375.228.245.116
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	V.09d	(17.712.037.232)	(29.159.449.415)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>46.393.580.086</b>	<b>55.728.468.300</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	46.393.580.086	55.728.468.300
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>8.310.853.107.122</b>	<b>6.823.677.087.181</b>

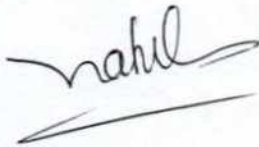
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết Minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 320)</b>	<b>300</b>		<b>5.469.546.377.347</b>	<b>3,933,862,842,391</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>2.549.029.152.813</b>	<b>1.707.977.544.396</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11a	4.753.561.922	24.638.409.210
3. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.292.076.837	37.778.543.837
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		4.603.237.662	26.738.656.830
5. Phải trả người lao động	314		-	33.596.414.979
10. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.11b	1.871.192.392.146	1.111.148.514.441
11. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12	651.128.228.524	450.622.334.000
13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		15.059.655.722	23.454.671.099
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2.920.517.224.534</b>	<b>2,225,885,297,995</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.13	141.295.510.800	141.295.510.800
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.14	137.713.580.960	253.350.299.759
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15	1.673.753.963.054	1,763,483,487,436
9. Trái phiếu chuyển đổi	339	V.16	967.754.169.720	67.756.000.000
<b>B - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>2.841.306.729.775</b>	<b>2.889.814.244.790</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.17	<b>2.841.306.729.775</b>	<b>2.889.814.244.790</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		2.748.282.370.000	2.748.282.370.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.748.282.370.000	2.748.282.370.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		380.201.352.877	380.201.352.877
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		2.481.830.280	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(804.209.093.000)	(804.209.093.000)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		160.185.827.426	160.185.827.426

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết Minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		354.364.442.192	405.353.787.487
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		272.657.087.638	-
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		81.707.354.554	405.353.787.487
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>8.310.853.107.122</b>	<b>6,823,677,087,181</b>

TPHCM, Ngày tháng 04 năm 2017  
**Tổng Giám đốc**

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**



**NG.T.TUYẾT NHUNG**



**NG.T.MAI HƯƠNG**



**LÊ QUỐC BÌNH**



Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 1		Lũy kế từ 01/01 đến 31/03	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
12. Chi phí khác	32		18.624.394	-	18.624.394	-
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(18.624.394)	-	(18.624.394)	-
14. Tổng lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		85.873.290.204	332.428.217.730	85.873.290.204	332.428.217.730
15. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.5	-	47.458.990.569	-	47.458.990.569
16. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		85.873.290.204	284.969.227.161	85.873.290.204	284.969.227.161
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		312	1.095	312	1.095

Người lập biểu



NG.T.TUYẾT NHUNG

Kế toán trưởng



NG.T.MAI HƯƠNG

TP. HCM, ngày tháng năm 2017



Tổng Giám đốc



LÊ QUỐC BÌNH

CÔNG TY MẸ-CTY CP ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT TP.HCM

ĐỊA CHỈ: 50 TÔN THẤT ĐẠM, QUẬN 1, TP.HCM

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho niên độ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017	Từ 01/01/2016 đến 31/03/2016
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>85.873.290.204</b>	<b>332.428.217.730</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	60.436.012.620	64.074.536.160
Các khoản dự phòng	03	(11.447.412.183)	(18.709.434.185)
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(118.576.300.327)	(352.130.533.386)
Chi phí lãi vay	06	63.023.268.865	80.981.877.825
Các khoản điều chỉnh khác	07	4.220.000.000	(29.925.614.286)
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>83.528.859.179</b>	<b>76.719.049.858</b>
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(4.737.768.321)	24.441.641.914
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		-
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	170.920.962.786	(29.471.192.539)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(1.288.124.036)	2.370.027.051
Tiền lãi vay đã trả	14	9.382.642.070	(66.481.010.631)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(20.359.764.903)	(547.908.090)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	5.000.000
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>237.446.806.775</b>	<b>7.035.607.563</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(8.746.539.402)	(41.162.680.297)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	564.235.175.217	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(504.785.072.120)	(95.432.635.663)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	146.587.384.473	237.594.822.566
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(1.615.670.760.611)	(355.270.000.000)



Chỉ tiêu	Mã số	Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017	Từ 01/01/2016 đến 31/03/2016
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	5.467.687.000	72.643.355.020
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	62.078.397.052	16.121.431.498
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<b>30</b>	<b>(1.350.833.728.391)</b>	<b>(165.505.706.876)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
3. Tiền thu từ đi vay	33	1.515.403.564.815	478.593.666.232
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(347.556.956.183)	(477.589.595.992)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(241.411.340)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<b>40</b>	<b>1.011.424.893.912</b>	<b>762.658.900</b>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	<b>50</b>	<b>(101.962.027.704)</b>	<b>(157.707.440.413)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	249.059.008.478	410.397.717.943
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	147.096.980.774	252.690.277.530

Người lập biểu



NG.T.TUYẾT NHUNG

Kế toán trưởng



NG.T.MAI HƯƠNG

TPHCM, ngày tháng năm 2017

Tổng Giám đốc



LÊ QUỐC BÌNH

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017*

*Đơn vị tính: đồng*

### **I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

#### **Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000747 ngày 24 tháng 12 năm 2001 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, và qua các lần thay đổi lần. Vốn điều lệ của Công ty là 2.748.282.370.000 đồng, được chia thành 274.828.237 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2017 là 125.

#### **Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty là :**

- Ngành nghề kinh doanh của Công ty là đầu tư xây dựng, khai thác, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật đô thị theo phương thức hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (B.O.T); hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT); kinh doanh bất động sản; thực hiện thu phí giao thông đường bộ; sản xuất, mua bán các thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực thu phí giao thông và xây dựng; xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, công trình giao thông, công trình đường ống thoát nước.

- Hoạt động chính của Công ty là đầu tư xây dựng, khai thác, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật đô thị theo phương thức hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (B.O.T); hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT); thực hiện thu phí giao thông đường bộ; đầu tư và quản lý các công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

### **II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN**

#### **Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam. Những nguyên tắc này bao gồm các quy định tại các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành về kế toán tại Việt Nam.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

#### **Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính kèm theo được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

### III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty đã tuân thủ các chuẩn mực kế toán hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

Báo cáo tài chính được lập theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính.

### IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

#### **Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **Công cụ tài chính**

**Tài sản tài chính:** Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, các khoản ký cược, ký quỹ, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

**Công nợ tài chính:** Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, dự phòng phải trả, các khoản vay và trái phiếu phát hành.

#### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

#### **Dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán theo cam kết hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

#### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

### **Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ, nếu có.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 do Bộ Tài chính ban hành.

### **Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm giá trị của các quyền thu phí giao thông và phần mềm máy tính.

Quyền thu phí giao thông là tài sản cố định vô hình có được từ các hợp đồng B.O.T được ký giữa Công ty và Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh do Sở tài chính làm đại diện. Nguyên giá của tài sản được xác định theo giá trị quyết toán giữa Công ty và Sở Tài chính trên cơ sở là các chi phí mà Công ty đã bỏ ra để thực hiện đầu tư xây dựng các dự án theo hợp đồng đã ký.

Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo tỷ trọng doanh thu, theo đó giá trị trích khấu hao hàng năm được tính bằng nguyên giá nhân với tỷ lệ giữa doanh thu thu được hàng năm và tổng doanh thu ước tính.

### **Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

### **Các khoản đầu tư tài chính và chứng khoán**

#### *Các khoản đầu tư vào công ty con*

Các công ty được xem là công ty con của Công ty khi Công ty nắm quyền kiểm soát tại các công ty này. Quyền kiểm soát được xác lập khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết ở công ty con để có quyền kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty đó.

Tại ngày 31/03/2017, Công ty có các công ty con như sau :

Tên Cty	Tỷ lệ nắm giữ vốn điều	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng cầu đường Bình Triệu	69.19%	98.85%
Công ty CP Đầu tư Cao ốc Văn phòng Điện Biên Phủ	90.00%	100.00%
Công ty CP Đầu tư Cầu đường CII	54.31%	54.31%
Cty CP ĐT HT Kỹ thuật Vinaphil	99.99%	99.99%
Công ty CP Hạ tầng Nước Sài Gòn	55.94%	55.94%
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Hạ tầng	100.00%	100.00%
Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia	100.00%	100.00%
Công ty TNHH Bắc thủ Thiêm	100.00%	100.00%

### *Các khoản đầu tư vào công ty liên kết*

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tại ngày 31/03/2017, Công ty có các công ty liên kết như sau :

Tên Cty	Tỷ lệ nắm giữ vốn điều lệ	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty CP Xây dựng Hạ tầng CII	49.00%	49.00%
Công ty CP Hòa Phú	30.00%	30.00%
Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng xa lộ Hà Nội	49.00%	49.00%
Công ty Cổ phần Đầu tư năm bảy bảy	24.90%	24.90%

### *Các khoản đầu tư chứng khoán*

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

### **Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu bao gồm chi phí phát hành, bảo lãnh phát hành trái phiếu, chi phí bảo dưỡng đường xá, di dời trạm, chi phí in vé cầu đường, chi phí công cụ, dụng cụ ... Các chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng, trong đó chi phí phát hành và bảo lãnh phát hành trái phiếu được phân bổ theo thời hạn của trái phiếu, các chi phí khác phân bổ trong thời hạn từ 2 đến 3 năm.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các dự án B.O.T trong giai đoạn khai thác hoàn vốn sẽ được ghi nhận là một khoản chi phí trả trước và được phân bổ vào kết quả kinh doanh trong kỳ theo tỷ lệ doanh thu hàng năm của dự án.

### **Ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát sinh và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu ngân quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản nhận được do biểu, tặng, sau khi trừ đi thuế phải nộp liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế số cổ phiếu do Công ty phát hành sau đó mua lại được trừ vào vốn chủ sở hữu của Công ty. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế căn cứ vào Điều lệ của Công ty và quyết định của Đại hội Đồng Cổ đông hàng năm.

### **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu là lãi tiền gửi, tiền cho vay và cổ tức, lợi nhuận từ đầu tư chứng khoán và đầu tư vào công ty con, công ty liên kết. Lãi tiền gửi, tiền cho vay ghi nhận trên cơ sở dồn tích, lãi tiền gửi ngân hàng được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng theo thông báo về lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng; lãi tiền cho vay được tính căn cứ vào số dư khoản cho vay và lãi suất phù hợp với, hợp đồng vay; cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi có thông báo chia cổ tức của đơn vị nhận đầu tư và công ty con.

### **Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư số 179/2012/TT-BTC ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

### **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN:**

<b>V.1a Tiền và các khoản tương đương tiền:</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Tiền mặt	6.543.235	1.599.783.685
- Tiền gửi ngân hàng	105.948.332.651	206.317.119.905
- Khoản tương đương tiền	41.142.104.888	41.142.104.888
<b>Cộng</b>	<b>147.096.980.774</b>	<b>249.059.008.478</b>

<b>V.2. Phải thu ngắn hạn khách hàng:</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Phải thu Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh về giá trị đầu tư dự án Tỉnh lộ 25B	36.663.160.758	36.663.160.758
Phải thu Công ty CP Đầu tư 577 giá trị chuyển nhượng phần vốn góp trong công ty TNHH MTV Trường Thuận Phát	215.000.000.000	215.000.000.000
Các khách hàng mua cổ phiếu Công ty cổ phần xây dựng hạ tầng CII E&C	129.720.810.000	285.738.310.000
Các khoản phải thu khách hàng khác	266.269.749	266.269.749
<b>Cộng</b>	<b>381.650.240.507</b>	<b>537.667.740.507</b>

<b>V.3. Trả trước cho người bán ngắn hạn:</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	271.550.682.961	277.020.884.437
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII	114.817.289.229	113.788.451.621
Ủy ban nhân dân TP.HCM	-	113.976.176.508
Các đối tượng khác	10.666.887.860	11.269.586.505
<b>Cộng</b>	<b>397.034.860.050</b>	<b>516.055.099.071</b>

<b>V.4a Phải thu về cho vay ngắn hạn:</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Cty CP Đầu tư cầu đường CII	404.108.750.000	172.174.597.320
Cty CP XD Hạ tầng CII	2.058.333.333	0
Cty TNHH MTV ĐT KD địa ốc Lữ Gia	7.550.000.000	7.550.000.000
Cty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	6.000.000.000	3.000.000.000
Công ty CP Đầu tư 577	26.116.311.743	56.518.693.596
Cty CP Đầu tư và XD XLHN	219.573.833.606	194.958.833.606
Cty CP Đầu tư XD Tuấn Lộc	344.105.177.434	44.105.177.434
<b>Cộng</b>	<b>1.009.512.406.116</b>	<b>478.307.301.956</b>



<b>V.4b Phải thu ngắn hạn khác:</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Cty CP XD Hạ tầng CII	42.624.653	-
Cty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng	6.666.215.000	6.222.180.000
Cty CP Đầu tư cầu đường CII	2.540.040.053	24.393.592.658
Cty TNHH MTV ĐT KD địa ốc Lữ Gia	1.334.357.639	1.136.170.139
Công ty CP xây dựng cầu Sài Gòn	-	1.121.329.259
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	19.087.663.087	11.219.625.446
Công ty CP Đầu tư & Phát triển Xây dựng	6.470.833.334	6.470.833.334
Công ty CP Đầu tư 577	7.304.726.662	11.358.781.530
Lãi Vốn Chủ DA BOT Cầu Rạch Chiếc	15.573.873.610	15.576.000.000
Cty CP Đầu tư và XD XLHN	122.681.139.275	36.939.842.455
Cty CP Đầu tư XD Tuấn Lộc	11.524.895.322	3.807.134.414
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	953.797.163	1.077.885.305
Dự án Cổ Mễ - Công ty CP đầu tư Vườn Việt	2.165.395.033	2.165.395.033
Phải thu khác	424.087.675	1.220.108.674
<b>Cộng</b>	<b>- 196.769.648.506</b>	<b>122.708.878.247</b>

<b>V.5. Hàng tồn kho</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Chi phí dở dang đầu tư	73.005.590.812	69.178.898.763
<b>Cộng</b>	<b>- 73.005.590.812</b>	<b>- 69.178.898.763</b>

<b>V.6. Phải thu dài hạn khác</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	115.276.277.860	101.822.277.860
- Lãi Vốn Chủ DA BOT Cầu Rạch Chiếc	-	3.891.873.610
- Trái phiếu Công ty CP Đầu tư & Phát triển Xây dựng	41.412.681.580	41.412.681.580
- Dự án chung cư NBB - Công ty CP đầu tư 577	492.869.280.000	492.869.280.000
<b>Cộng</b>	<b>649.558.239.440</b>	<b>639.996.113.050</b>

<b>Dự phòng khoản phải thu dài hạn</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Trái phiếu Cty CP Đầu tư & Phát triển Xây dựng	(41.412.681.580)	(41.412.681.580)
<b>Cộng</b>	<b>(41.412.681.580)</b>	<b>(41.412.681.580)</b>

**V.7a Tài sản cố định hữu hình:**

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ hữu hình</b>				
Số đầu kỳ	176.846.400	6.331.864.000	35.100.000	<b>6.543.810.400</b>
- Thanh lý, nhượng bán		1.163.037.000		<b>1.163.037.000</b>
Số cuối kỳ	176.846.400	5.168.827.000	35.100.000	<b>5.380.773.400</b>
<b>Khấu hao</b>				
Số đầu kỳ	176.846.400	3.433.166.666	35.100.000	<b>3.645.113.066</b>
- Khấu hao trong kỳ		193.935.120		<b>193.935.120</b>
- Thanh lý, nhượng bán				<b>-</b>
Số cuối kỳ	176.846.400	3.627.101.786	35.100.000	<b>3.839.048.186</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu kỳ	-	2.898.697.334	-	<b>2.898.697.334</b>
Số cuối kỳ	-	1.541.725.214	-	<b>1.541.725.214</b>

\* Nguyên giá TSCĐ đến 31/03/2017 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.395.131.770 đồng

**V.7b Tài sản cố định vô hình:**

Khoản mục	Quyền thu phí giao thông
<b>Nguyên giá TSCĐ vô hình</b>	
Số đầu kỳ	<b>1.058.840.204.896</b>
Số cuối kỳ	
- Tăng do hoàn thành đầu tư	
- Giảm khác (*)	
Số cuối kỳ	<b>1.058.840.204.896</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số đầu kỳ	<b>771.985.951.969</b>
- Khấu hao trong kỳ	60.242.077.500
Số cuối kỳ	<b>832.228.029.469</b>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số đầu kỳ	<b>286.854.252.927</b>
Số cuối kỳ	<b>226.612.175.427</b>

<i>V.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:</i>	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Tổng số chi phí XD CB dở dang	92.130.271.994	659.298.967.395
Trong đó (Những công trình lớn):		
+ Dự án di dời hạ tầng XLHN	1.458.888.039	1.458.888.039
+ Dự án 152 Điện Biên Phủ	85.911.947.944	84.708.934.835
+ Dự án BOT Cần Bình Triệu	1.001.942.399	1.001.942.399
+ Di dời đường dây cao thế Bến Thành-Suối Tiên	2.492.763.312	2.375.928.866
+ Di dời tái lập tuyến cấp nước	1.215.508.457	1.192.001.789
+ Dự án Nhà máy xử lý nước thải Suối Nhum	28.013.322	28.013.322
+ Dự án Diamond Riverside	18.740.454	18.740.454
+ Dự án XD hạ tầng, KĐT mới Thủ Thiêm quận 2	-	568.514.517.691
+ Dự án đường trên cao đoạn sân bay TSN đến trung tâm TP	2.468.067	-

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
<b>V.9 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>Trị giá</b>		<b>Trị giá</b>	
<b>a. Đầu tư vào Cty con</b>	-	<b>3.819.104.146.844</b>		<b>994.917.549.813</b>
Cty CP ĐT XD cầu đường Bình Triệu		69.382.887.750		69.382.887.750
Cty CP Đầu tư Cao Ốc VP 152 ĐBP		270.000.000.000		270.000.000.000
Công ty CP Đầu tư hạ tầng kỹ thuật Vinaphil		661.812.800.000		-
Cty CP Đầu tư cầu đường CII		1.250.893.797.031		-
Cty TNHH MTV đầu tư KD địa ốc Lữ Gia		150.000.000.000		150.000.000.000
Cty TNHH MTV Dịch vụ Hạ Tầng		10.000.000.000		10.000.000.000
Cty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm		921.631.000.000		10.151.000.000
Cty CP Hạ tầng nước Sài Gòn		485.383.662.063		485.383.662.063
<i>Lý do thay đổi: Đầu tư, chuyển nhượng vốn góp.</i>				
<b>b. Đầu tư vào Cty liên kết, liên doanh</b>		<b>835.933.808.563</b>	-	<b>1.551.027.945.862</b>
Cty CP Đầu tư cầu đường CII		-		993.956.628.531
Công ty CP Đầu tư 577		342.008.491.232		
Công ty CP Xây dựng Hạ tầng CII		212.221.317.331		212.221.317.331
Cty CP Hòa Phú		33.000.000.000		33.000.000.000
Cty CP ĐT HT Kỹ thuật Vinaphil		-		311.850.000.000
Cty CP ĐT và xây dựng xa lộ Hà Nội		248.704.000.000		
<i>Lý do thay đổi: Đầu tư, chuyển nhượng vốn góp.</i>				
<b>c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>		<b>125.102.310.701</b>		<b>375.228.245.116</b>
Công ty CP Đầu tư 577		-		250.125.934.415
Cty CP ĐT & Phát triển XD	-	29.500.000.000	-	29.500.000.000
Cty CP XD cầu Sài Gòn		60.902.310.701		60.902.310.701
Công ty CP BOT Cầu Phú Mỹ		29.700.000.000		29.700.000.000
DA Mê Kông-Tiền Giang		5.000.000.000		5.000.000.000
<i>Lý do thay đổi: Góp bổ sung tăng vốn vào các dự án, thu về một phần vốn góp.</i>				
<b>d. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>(17.712.037.232)</b>		<b>(29.159.449.415)</b>
Công ty CP 577		(17.712.037.232)		(29.159.449.415)
<b>Tổng cộng</b>		<b>4.762.428.228.876</b>		<b>2.892.014.291.376</b>
<b>e. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (ngắn hạn)</b>				
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 12 tháng		15.781.111.111		15.781.111.111
<b>Tổng cộng</b>		<b>15.781.111.111</b>		<b>15.781.111.111</b>

**V.10 Chi phí trả trước dài hạn:**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ dụng cụ	189.005.054	235.358.147
Chi phí in vé cầu đường	2.121.723.032	820.546.489
Chi phí phần mềm Microsoft office	332.278.556	396.178.278
Lãi vay dự án B.O.T Cầu Rạch Chiếc chờ phân bổ (*)	43.653.373.136	54.276.385.386
Chi phí phát triển dự án	97.200.308	
<b>Cộng</b>	<b>46.393.580.086</b>	<b>55.728.468.300</b>

Lãi vay dự án B.O.T Cầu Rạch chiếc chờ phân bổ (\*): thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính, chi phí lãi vay của dự án này được phân bổ vào chi phí theo tỷ lệ doanh thu cùng kỳ.

**V.11a Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Cty TNHH TM DV vận tải XDGT	22.544.950	22.544.950
- Cty TNHH TM Dịch vụ Hạ tầng	442.510.794	1.206.218.816
- Cty TNHH Kiểm toán & TV tài chính Quốc tế	66.375.250	66.375.250
- Cty CP Hạ tầng nước Sài Gòn	2.660.462.296	23.160.462.296
- CN Cty TNHH MTV in tài chính	969.914.000	-
- Các giá trị thuộc DA dòi hạ tầng KT trên XLHN	591.754.632	182.807.898
<b>Cộng</b>	<b>4.753.561.922</b>	<b>24.638.409.210</b>

**V.11b Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Cổ tức còn thanh toán	134.885.311.465	158.610.326.336
- Bảo hiểm xã hội, BH y tế, kinh phí công đoàn	38.599.935	26.394.435
- Lãi trái phiếu phải trả	40.191.865.241	31.705.342.288
- Công ty CP Đầu tư cầu đường CII	229.035.671.296	-
- Cty CP đầu tư XD Cầu đường Bình Triệu	62.188.398.409	62.139.898.409
- Cty CP Đầu tư cao Ốc VP ĐBP	188.666.529.744	171.566.736.591
- Cty CP xây dựng Cầu Sài Gòn	-	-
- Cty CP xây dựng Hạ tầng CII	209.420.667.116	175.070.876.025
- Cty CP Đầu tư Hạ tầng KT Vinaphil	329.333.210.012	167.612.708.619
- Cty TNHH Trường Thuận Phát	299.980.000.000	299.980.000.000
- Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	-	-
- Lãi vay phải trả Ngân hàng TMCP	18.926.572.412	20.105.851.778
- Phải trả Khu QLGT đô thị số 2 về chi phí duy tu trạm thu phí	28.122.410.660	24.280.379.960
- Phải trả tiền nhận chuyển nhượng vốn đầu tư vào đơn vị khác và thu hộ	328.841.691.814	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.561.464.042	50.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.871.192.392.146</b>	<b>1.111.148.514.441</b>

<i>V.12 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</i>	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Vay ngắn hạn	400.445.894.524	-
Cty CP chứng khoán TP.HCM	27.149.994.507	-
Cty TNHH MTV chứng khoán Maybank Kim	4.746.360.845	-
Cty CP chứng khoán Bản Việt	58.989.467.052	-
Ngân hàng TMCP Công thương - CN 11 Tp.HCM	100.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Phát triển TP. HCM	100.000.000.000	100.000.000.000
Ngân hàng TMCP ĐT và Phát triển VN-CN Tây SG	-	-
Ngân hàng TMCP Hàng Hải - CN Cộng Hòa	50.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Bản Việt - CN Sài Gòn	59.560.072.120	-
- Vay dài hạn đến hạn trả	250.682.334.000	350.622.334.000
<b>Cộng</b>	<b>651.128.228.524</b>	<b>450.622.334.000</b>

<i>V.13 Phải trả người bán dài hạn</i>	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Hợp tác đầu tư với Công ty CP Hạ tầng Nước Sài Gòn	141.295.510.800	141.295.510.800
<b>Cộng</b>	<b>141.295.510.800</b>	<b>141.295.510.800</b>

<i>V.14 Phải trả dài hạn khác</i>	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Hợp tác đầu tư với Cty CP Đầu tư Cầu đường CII	137.713.580.960	253.350.299.759
<b>Cộng</b>	<b>137.713.580.960</b>	<b>253.350.299.759</b>

<i>V.15 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</i>	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Vay Ngân hàng	1.016.867.297.054	1.206.862.821.436
Ngân hàng TMCP XNK VN	-	-
Ngân hàng TMCP Công thương VN-CN 11	30.491.000.000	130.991.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Á	106.000.000.000	200.000.000.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN HCM	52.000.000.000	52.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển VN-CN HCM	620.041.964.054	615.537.488.436
Ngân hàng TMCP Bản Việt - CN Sài Gòn	208.334.333.000	208.334.333.000
- Trái phiếu phát hành	909.851.000.000	909.851.000.000
Trái phiếu thông thường	909.851.000.000	909.851.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.926.718.297.054</b>	<b>2.116.713.821.436</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	250.682.334.000	350.622.334.000
Trừ: các khoản ghi nhận vào chi phí tài chính trong tương lai	2.282.000.000	2.608.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.673.753.963.054</b>	<b>1.763.483.487.436</b>

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch sau:

	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
Trong vòng một năm	250.682.334.000	350.622.334.000
Trong năm thứ hai	1.011.854.333.334	332.773.333.334
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	664.181.629.720	1.433.318.154.102
	<b>1.926.718.297.054</b>	<b>2.116.713.821.436</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	250.682.334.000	350.622.334.000
lại	2.282.000.000	2.608.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.673.753.963.054</b>	<b>1.763.483.487.436</b>

V.16 Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi năm 2016	902.480.000.000	-
Trái phiếu chuyển đổi năm 2014	67.756.000.000	67.756.000.000
	<b>970.236.000.000</b>	<b>67.756.000.000</b>
lại	2.481.830.280	-
<b>Cộng</b>	<b>967.754.169.720</b>	<b>67.756.000.000</b>

V.17 *Vốn chủ sở hữu*

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ dự trữ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4	5	6	7
<i>Số dư đầu năm trước</i>	2.280.640.380.000	150.831.459.777	-	(196.643.412.000)	119.870.298.143	39.668.146.137	2.394.366.872.057
- Tăng vốn trong năm nay	467.641.990.000						420.419.000.000
- Lãi trong năm nay						794.419.018.906	432.865.413.868
- Chênh lệch chuyển đổi trái phiếu		229.379.893.100					
- Trích các quỹ từ lợi nhuận năm							
- Tăng khác					40.315.529.283	80.631.058.566	58.225.262.383
- Chia lợi nhuận cho đối tác từ hợp đồng hợp tác đầu tư							-
- Chi mua cổ phiếu quỹ						19.667.092.390	32.032.393.439
- Chi cổ tức cho cổ đông					(607.565.681.000)		196.643.412.000
- Chi phí chuyển đổi trái phiếu		10.000.000				328.435.226.600	610.776.333.200
- Giảm để phát hành CP thường, tăng VDL							-
- Giảm khác							-
<i>Số dư đầu năm nay</i>	2.748.282.370.000	380.201.352.877	-	(804.209.093.000)	160.185.827.426	405.353.787.488	2.889.814.244.791
- Tăng vốn trong năm nay							-
- Lãi trong năm nay						85.873.290.204	85.873.290.204
- Quyền chuyển đổi của trái phiếu chuyển đổi			2.481.830.280				2.481.830.280
- Trích các quỹ từ lợi nhuận							-
- Chia lợi nhuận cho đối tác từ hợp đồng hợp tác đầu tư							-
- Chi mua cổ phiếu quỹ						4.165.935.651	4.165.935.651
- Chi cổ tức cho cổ đông							-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	2.748.282.370.000	380.201.352.877	2.481.830.280	(804.209.093.000)	160.185.827.426	354.364.442.192	2.841.306.729.775





VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Quý 1		Lũy kế từ 01/01 đến 31/03	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
<b>VI.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>				
<i>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	91.275.875.000	96.935.710.000	91.275.875.000	96.935.710.000
Trong đó:				
- Doanh thu thu phí dự án BOT	91.275.875.000	96.935.710.000	91.275.875.000	96.935.710.000
<b>Cộng</b>	<b>91.275.875.000</b>	<b>96.935.710.000</b>	<b>91.275.875.000</b>	<b>96.935.710.000</b>
<i>Các khoản giảm trừ doanh thu</i>	3.894.000.000	3.894.000.000	3.894.000.000	3.894.000.000
- Giảm giá hàng bán				
- Giảm trừ doanh thu vốn chủ dự án B.O.T cầu Rạch Chiếc	3.894.000.000	3.894.000.000	3.894.000.000	3.894.000.000
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV</b>	<b>87.381.875.000</b>	<b>93.041.710.000</b>	<b>87.381.875.000</b>	<b>93.041.710.000</b>
<b>VI.2. Giá vốn hàng bán</b>				
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	62.067.595.000	63.977.568.600	62.067.595.000	63.977.568.600
<b>Cộng</b>	<b>62.067.595.000</b>	<b>63.977.568.600</b>	<b>62.067.595.000</b>	<b>63.977.568.600</b>
<b>VI.3. Doanh thu hoạt động tài chính</b>				
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	20.402.146.402	20.938.874.276	20.402.146.402	20.938.874.276
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	98.114.702.219	103.322.890.294	98.114.702.219	103.322.890.294
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	59.451.706	227.868.768.816	59.451.706	227.868.768.816
<b>Cộng</b>	<b>118.576.300.327</b>	<b>352.130.533.386</b>	<b>118.576.300.327</b>	<b>352.130.533.386</b>
<b>VI.4. Chi phí tài chính</b>				
- Lãi tiền vay	63.023.268.865	80.981.877.825	63.023.268.865	80.981.877.825
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(11.447.412.183)	26.290.565.815	(11.447.412.183)	26.290.565.815
- Chi phí tài chính khác	1.286.488.143	(24.624.024.574)	1.286.488.143	(24.624.024.574)
<b>Cộng</b>	<b>52.862.344.825</b>	<b>82.648.419.066</b>	<b>52.862.344.825</b>	<b>82.648.419.066</b>

**VI.5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Lũy kế từ 01/01/2017 đến 31/03/2017 (VNĐ)	Lũy kế từ 01/01/2016 đến 31/03/2016 (VNĐ)
	<b>Hoạt động</b>	<b>Hoạt động</b>
Lợi nhuận/ (Lỗ) trước thuế	85.873.290.204	332.428.217.730
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế:		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	98.114.702.219	103.322.890.294
Cộng : Các khoản chi phí không được khấu trừ	1.085.675.000	8.189.625.411
Thu nhập chịu thuế	(11.155.737.015)	237.294.952.847
Thuế suất thông thường	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp		47.458.990.569
Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung		
Thuế TNDN được miễn giảm (**)		
Thuế TNDN còn phải nộp	-	47.458.990.569
<b>Tổng cộng thuế TNDN phải nộp</b>	-	<b>47.458.990.569</b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**VII.1. Nghiệp vụ và số dư với bên liên quan**

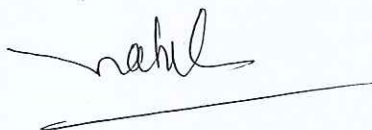
Thu nhập Ban Điều hành được hưởng trong kỳ như sau:

	Lũy kế từ 01/01/2017 đến 31/03/2017 (VNĐ)	Lũy kế từ 01/01/2016 đến 31/03/2016 (VNĐ)
Lương	2.106.877.144	2.016.004.812
Thu nhập khác	12.191.719.242	8.406.210.129
<b>Cộng</b>	<b>14.298.596.386</b>	<b>10.422.214.941</b>

**VII.2. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán**

**VII.3. Số liệu so sánh**

Người lập



**NG.T.TUYẾT NHUNG**

Kế toán trưởng



**NG.T.MAI HƯƠNG**

Ngày tháng năm 2017

Tổng Giám đốc



**LÊ QUỐC BÌNH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ  
HẠ TẦNG KỸ THUẬT TP.HCM**  
50 Tôn Thất Đạm, Quận 1, Tp.HCM  
ĐT: 39141 904 Fax: 39141 910

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**Số: 202/2017/CV-CII**

V/v: giải trình chênh lệch kết quả hoạt động  
kinh doanh Công ty Mẹ quý 1/2017

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 04 năm 2017

**Kính gửi:**

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Tp.Hồ Chí Minh (CII) thông báo kết quả hoạt động sản xuất – kinh doanh quý 01 năm 2017 của Công ty Mẹ như sau:

Lợi nhuận sau thuế quý 01 năm 2017 lãi 85,8 tỷ đồng, giảm 69,9% so với lợi nhuận đạt được quý 01 năm 2016 (285 tỷ đồng).

Kết quả hoạt động kinh doanh quý 01 năm 2017 giảm so với quý 01 năm 2016 là do: Trong quý 01 năm 2016, công ty có hai khoản thu nhập hơn 245 tỷ đồng từ việc (i) hoán đổi 491,3 tỷ đồng trái phiếu và (ii) xử lý chênh lệch tỷ giá sau khi hoàn tất chuyển đổi trái phiếu cho nhà đầu tư nước ngoài; Trong khi quý 01 năm 2017 không phát sinh các khoản thu nhập này.

Chi tiết về báo cáo tài chính quý 01 năm 2017 của Công ty CII, vui lòng xem tại website: [www.cii.com.vn](http://www.cii.com.vn).

Trân trọng.



**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**LÊ QUỐC BÌNH**

Nơi gửi:

- Như trên
- Lưu: VP. P.TC-KT